



VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI VÙNG TRUNG BỘ

TẠP CHÍ

KHOA HỌC XÃ HỘI MIỀN TRUNG

Central Vietnamese Review of Social Sciences

01 (81) 2023

ISSN 1859-2635

TỔNG BIÊN TẬP

TS. Hoàng Hồng Hiệp

HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP

PGS.TS. Bùi Đức Hùng (Chủ tịch)
Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ

GS.TS. Nguyễn Xuân Thắng
Ủy viên Bộ Chính trị
Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

GS.TS. Nguyễn Chí Bền
Viện Văn hóa Nghệ thuật Việt Nam

GS.TS. Trần Thọ Đạt
Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

GS.TS. Phạm Văn Đức
Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

TS. Hoàng Hồng Hiệp
Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ

GS.TS. Nguyễn Xuân Kính
Viện Nghiên cứu Văn hóa

GS.TS. Eric Iksoon Im University of Hawaii – Hilo, Hoa Kỳ
--

GS.TS. Đỗ Hoài Nam
Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

GS.TS. Vũ Bằng Tâm
University of Hawaii – Hilo, Hoa Kỳ

GS.TS. Nguyễn Quang Thuấn
Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

GS.TS. Trần Đăng Xuyên
Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

BIÊN TẬP TRỊ SỰ

ThS. Châu Ngọc Hòe
CN. Lưu Thị Diệu Hiền

C V R S S

Tạp chí Khoa học xã hội miền Trung

ISSN 1859 – 2635

Tạp chí ra 2 tháng 1 kỳ

Số 01 năm 2023

Năm thứ mười sáu

Mục lục

Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực hành mô hình “Dân vận khéo” ở Việt Nam hiện nay <i>Trịnh Thị Phương Oanh</i>	3
Tác động của phong cách lãnh đạo đến sự căng thẳng công việc của người lao động tại các doanh nghiệp cung ứng Việt Nam <i>Trương Đức Thao, Nguyễn Thị Thuý, Nguyễn Thị Thu Thảo, Phạm Văn Minh</i>	11
Các nhân tố ảnh hưởng đến việc chấp nhận ứng dụng phần mềm kế toán đám mây trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Việt Nam <i>Đào Nhật Minh, Lê Văn Tân, Phạm Thị Lai, Trần Xuân Quân</i>	19
Nhân tố ảnh hưởng đến ý định lựa chọn loại hình du lịch kết hợp chăm sóc sức khoẻ của khách nội địa khi đi du lịch đến thành phố Nha Trang <i>Lê Chí Công, Phan Huyền Xuân Thảo, Nguyễn Trà Minh Thư, Nguyễn Trần Diệu Trinh, Nguyễn Thảo Trang, Phạm Thị Hồng Hạnh</i>	31
Tác động của Nhà máy lọc dầu Dung Quất đến an sinh xã hội, văn hoá và lối sống của người dân tỉnh Quảng Ngãi <i>Nguyễn Thị Thanh Xuyên, Hoàng Hồng Hiệp</i>	41
Kinh nghiệm quốc tế trong giải quyết các tranh chấp trên biển theo Công ước Liên hiệp quốc về Luật Biển năm 1982 và một số gợi mở đối với Việt Nam <i>Võ Công Khôi, Trần Đình Chín</i>	54
Nét đẹp phong tục ba ngày Tết Cả của người Việt trong thơ ca trung đại Việt Nam <i>Tran Thi Kim Thu</i>	63

Giấy phép xuất bản số 104/GP – BTTTT cấp ngày 22 tháng 4 năm 2013

Chế bản điện tử tại Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ; In 250 cuốn khổ 19 x 27cm; Số 01 năm 2023

In tại Công ty TNHH MTV In Tổng hợp Đà Nẵng

Số 2, Lý Thường Kiệt - P. Thạch Thang - Q. Hải Châu - TP. Đà Nẵng * ĐT: 0236.3821038; Nộp lưu chiều tháng 02/2023

Contents

Ho Chi Minh's ideology on developing "Skilled Mass Mobilization" model in Vietnam today <i>Trinh Thi Phuong Oanh</i>	3
The impact of leadership style on workers' stress in Vietnamese supply enterprises <i>Truong Duc Thao, Nguyen Thi Thuy, Nguyen Thi Thu Thao, Pham Van Minh</i>	11
Determinants of adopting cloud accounting software in small and medium enterprises in Vietnam <i>Dao Nhat Minh, Le Van Tan, Pham Thi Lai, Tran Xuan Quan</i>	19
Determinants of domestic tourists' choice of medical tourism to Nha Trang <i>Le Chi Cong, Phan Huyen Xuan Thao, Nguyen Tra Minh Thu, Nguyen Tran Dieu Trinh, Nguyen Thao Trang, Pham Thi Hong Hanh</i>	31
Impacts of Dung Quat Oil Refinery on social security, culture, and lifestyle of local people in Quang Ngai province <i>Nguyen Thi Thanh Xuyen, Hoang Hong Hiep</i>	41
The international experience in the sea dispute settlement under the 1982 UNCLOS and some implications to Vietnam <i>Vo Cong Khoi, Tran Dinh Chin</i>	54
The cultural beauty of three-day of Tết in Vietnamese medieval poetry <i>Tran Thi Kim Thu</i>	63

Tác động của Nhà máy lọc dầu Dung Quất đến an sinh xã hội, văn hoá và lối sống của người dân tỉnh Quảng Ngãi

Nguyễn Thị Thanh Xuyên

Hoàng Hồng Hiệp

Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ

Email liên hệ: thanhxuyen27@gmail.com

Tóm tắt: Sự phát triển của công nghiệp lọc hoá dầu tại Việt Nam không chỉ đảm bảo an ninh năng lượng mà còn góp phần phát triển sinh kế, đảm bảo an sinh xã hội và làm thay đổi văn hoá và lối sống của người dân địa phương. Trong khi vai trò của công nghiệp lọc hoá dầu đến an ninh năng lượng và phát triển sinh kế đã được phân tích ở nhiều công trình nghiên cứu, tác động của công nghiệp lọc hoá dầu đến an sinh xã hội, văn hoá và lối sống gần như chưa được làm rõ. Sử dụng phương pháp điều tra xã hội học gồm khảo sát hộ bằng phiếu hỏi và phỏng vấn sâu; kết hợp với dữ liệu điều tra mức sống hộ gia đình (2004-2020), bài báo tập trung phân tích tác động của Nhà máy lọc dầu Dung Quất đến an sinh xã hội, văn hoá và lối sống của người dân tỉnh Quảng Ngãi. Kết quả nghiên cứu cho thấy, sự hiện diện của Nhà máy lọc dầu Dung Quất góp phần đảm bảo an sinh xã hội, làm thay đổi một số khía cạnh văn hoá và lối sống của người dân. Kết quả nghiên cứu cũng chỉ ra một số vấn đề cần phải giải quyết liên quan đến an sinh xã hội, văn hoá và lối sống. Từ những kết quả này, bài báo đề xuất một số khuyến nghị chính sách nhằm phát huy tác động tích cực và hạn chế tác động tiêu cực đến an sinh xã hội, văn hoá và lối sống của người dân.

Từ khóa: An sinh xã hội, cộng đồng, lối sống, Nhà máy lọc dầu Dung Quất, văn hóa, tỉnh Quảng Ngãi.

Impacts of Dung Quat Oil Refinery on social security, culture, and lifestyle of local people in Quang Ngai province

Abstract: In Vietnam, the development of oil refining industry not only ensures energy security but also contributes to improving livelihood, social security, culture, and lifestyle of local people. While the role of oil refining industries in energy security and livelihood development has been analyzed in various studies, the impact of oil refining industries on social security, culture, and lifestyle has been almost examined and unresolved. Using household structured interviews, key informant semi-structured interviews, and statistics from the Vietnam household living standards survey (between 2004 and 2020), this paper analyzes the impacts of Dung Quat Oil Refinery on social security, culture, and lifestyle of people in Quang Ngai. The results demonstrate that Dung Quat Oil Refinery contributes to ensuring social security, changing some aspects of the locals' culture and lifestyle. The results also indicate problems to be solved on those aspects. Based on these results, the paper proposes recommendations to improve people's social security, culture, and lifestyle.

Keywords: Community, Culture, Dung Quat Oil Refinery, Lifestyle, Quang Ngai province, Social Security.

Ngày nhận bài: 01/1/2023

Ngày duyệt đăng: 20/2/2023

1. Đặt vấn đề

Quá trình phát triển công nghiệp lọc dầu ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp đến biến đổi kinh tế, xã hội của địa phương, cộng đồng cư dân. Trong đó, các tác động về mặt kinh tế đã được phân tích ở nhiều công trình nghiên cứu. Nanok and Onyango (2017) chỉ ra rằng, công nghiệp lọc hoá dầu giúp gia tăng giá trị đất đai và phát triển thương mại. Trong khi đó, Chaudhuri và Ray (2019) chứng minh công nghiệp lọc hoá dầu làm tăng thu nhập cho người dân và nguồn thuế cho chính phủ. Dowokpor (2015) và Ebegbulen và cộng sự (2013) khẳng định công nghiệp lọc hoá dầu giúp tạo việc làm cho người dân. Tuy nhiên, tác động về mặt xã hội như an sinh xã hội, văn hóa và lối sống hầu như chưa được nhiều nghiên cứu đề cập đến.

Nhà máy lọc dầu Dung Quất (NMLD Dung Quất) là nhà máy lọc hoá dầu đầu tiên của Việt Nam. Nhà máy được xây dựng trên địa bàn các xã Bình Trị và Bình Thuận thuộc huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi với tổng diện tích khoảng 956 ha (bao gồm 140 ha mở rộng với 485 ha mặt đất và 471 ha mặt biển). Dự án NMLD Dung Quất được chính phủ ra quyết định đầu tư từ nửa cuối những năm 1990. Trải qua nhiều khó khăn trong hợp tác đầu tư với các đối tác nước ngoài và khó khăn về vốn đầu tư, cuối năm 2005 NMLD Dung Quất được khởi công xây dựng. Sau khoảng 4 năm xây dựng, NMLD Dung Quất đi vào vận hành thử nghiệm năm 2009, đánh dấu cho sự phát triển ngành công nghiệp lọc hoá dầu của Việt Nam. Năm 2011, Nhà máy kết thúc quá trình vận hành thử nghiệm, chính thức đi vào vận hành thương mại. Nhà máy hoạt động với công suất chế biến vào khoảng 6,5 triệu tấn dầu thô/năm, dự kiến tăng lên 8,5 triệu tấn dầu thô/năm sau khi mở rộng diện tích (Công ty Lọc hoá dầu Bình Sơn (BSR)). Từ khi đi vào hoạt động, NMLD Dung Quất có nhiều đóng góp lớn cho ngân sách tỉnh Quảng Ngãi và ngân sách Trung ương. Bên cạnh đó, sự hiện diện của NMLD Dung Quất đã và đang giúp tỉnh Quảng Ngãi thu hút đầu tư trong và ngoài nước; góp phần giải quyết việc làm trực tiếp và gián tiếp cho hơn 7.000 lao động địa phương (Ban quản lý Khu kinh tế Dung Quất).

Tương tự như nhiều nhà máy lọc dầu khác, tác động về mặt xã hội – an sinh xã hội, văn hoá và lối sống của NMLD Dung Quất gần như chưa được làm rõ. Do đó, bài báo này đánh giá tác động của Nhà máy lọc dầu Dung Quất đến an sinh xã hội, văn hoá và lối sống của người dân tỉnh Quảng Ngãi. Từ kết quả nghiên cứu, bài báo đề xuất một số khuyến nghị chính sách nhằm phát huy tác động tích cực và hạn chế tác động tiêu cực của Nhà máy đến an sinh xã hội, văn hoá và lối sống của người dân địa phương.

2. Phương pháp nghiên cứu

Các thông tin và số liệu về an sinh xã hội, văn hoá và lối sống được thu thập tại ba thời điểm: trước 2004 – trước khi có NMLD Dung Quất, giai đoạn 2005-2009 – khi NMLD Dung Quất được khởi công xây dựng, và năm 2020 – sau khi NMLD Dung Quất vận hành thương mại, nhằm: (1) So sánh sự thay đổi về an sinh xã hội, văn hoá và lối sống của người dân trước và sau khi có NMLD Dung Quất; (2) Đánh giá tác động của NMLD Dung Quất đến các vấn đề này. Nghiên cứu sử dụng nhiều phương pháp thu thập thông tin và số liệu: *Thứ nhất*, khảo sát bằng phiếu hỏi các hộ gia đình tại các xã Bình Thạnh, Bình Thuận, Bình Trị, Bình Đông, Bình Thạnh, Bình Phước, Bình Hải, Bình Dương, Bình Chánh và Bình Hoà thuộc huyện Bình Sơn - nơi đặt Nhà máy lọc dầu; và xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ – nơi không có nhà máy lọc dầu (và các khu, cụm công nghiệp). Xã Phổ Khánh được sử dụng làm điểm đối chứng nhằm làm rõ hơn tác động của NMLD Dung Quất đối với cộng đồng địa phương. *Thứ hai*, phỏng vấn sâu cán bộ các cấp (xã, huyện và tỉnh) và người dân địa phương có am hiểu về Nhà máy lọc dầu tại các xã

nói trên nhằm thu thập thông tin chi tiết hơn về sự thay đổi và nguyên nhân của sự thay đổi về an sinh xã hội, văn hoá và lối sống của người dân tỉnh Quảng Ngãi. *Thứ ba*, bộ dữ liệu điều tra mức sống hộ gia đình (2004-2020) được sử dụng nhằm bổ sung thêm những thông tin không thể thu thập bằng khảo sát hộ và phỏng vấn sâu, đồng thời so sánh sự khác nhau về an sinh xã hội, văn hoá và lối sống giữa các xã khảo sát và toàn tỉnh Quảng Ngãi.

3. Tác động của Nhà máy lọc dầu Dung Quất đến an sinh xã hội của người dân tỉnh Quảng Ngãi

3.1. Tác động của Nhà máy lọc dầu Dung Quất đến việc đảm bảo cho người dân tiếp cận các dịch vụ cơ bản

NMLD Dung Quất có tác động trực tiếp và gián tiếp đến việc đảm bảo cho người dân tiếp cận các dịch vụ cơ bản như điện, đường, trường, trạm y tế và nước sạch. Về tác động trực tiếp, trong giai đoạn giải toả và xây dựng nhà máy, Nhà nước đã đầu tư xây mới nhiều công trình đường giao thông, chợ, trường học và trạm y tế cho các xã Bình Trị và Bình Thuận – nơi đặt Nhà máy và Bình Thanh – nơi tái định cư cho các hộ dân nhường đất để xây dựng Nhà máy. Sau khi đi vào vận hành, NMLD Dung Quất đã đầu tư xây dựng và nâng cấp trang thiết bị cho các trường học, bệnh viện và trạm y tế thuộc huyện Bình Sơn và các huyện thị khác của tỉnh Quảng Ngãi. Về tác động gián tiếp, nhờ có dự án NMLD Dung Quất, cơ sở hạ tầng đường, điện, nước ở huyện Bình Sơn đã được Trung ương và tỉnh Quảng Ngãi ưu tiên đầu tư xây dựng. Bên cạnh đó, nhờ vào tiền đền bù khi bị giải toả, đa số người dân tái định cư, đặc biệt là những người tái định cư vào năm 2016 đã có được nhà cửa khang trang, tránh được ngập lụt vào mùa mưa lũ. *"Vào mùa mưa này, nếu NMLD Dung Quất không chuyển họ đi tái định cư thì bà con sợ lắm. Họ cũng hoan nghênh dự án NMLD Dung Quất mở rộng giúp người ta đến nơi ở mới, có nơi cư trú, có tiền đền bù, có cơ sở để làm nhà ngon lành hơn"* (Phỏng vấn sâu Ông V.H, người dân ở xã Bình Trị).

Sự thay đổi về cơ sở hạ tầng ở địa phương được thể hiện thông qua đánh giá của người dân về chất lượng cơ sở hạ tầng ở ba thời điểm - trước khi có NMLD Dung Quất, khi NMLD Dung Quất được xây dựng, và khi NMLD Dung Quất vận hành thương mại. Kết quả điều tra cho thấy, đánh giá của người dân về chất lượng nhà ở, đường giao thông, hệ thống điện, trạm y tế, trường học có sự thay đổi rõ rệt ở ba thời điểm nói trên. Cụ thể, tỷ lệ hộ đánh giá "kém" giảm khá mạnh trong khi tỷ lệ hộ đánh giá "tốt" tăng cao. Nếu như trước năm 2004, khoảng 36% đến 64% hộ đánh giá "kém" thì ở thời điểm năm 2020 con số này giảm xuống dưới 10%. Tại thời điểm năm 2020, hơn 70% số hộ tham gia khảo sát có đánh giá "tốt" cho chất lượng cơ sở hạ tầng điện, đường, trường và trạm.

Bảng 1: Đánh giá của người dân về chất lượng cơ sở hạ tầng ở địa phương

ĐVT: %

Chất lượng nhà ở và cơ sở hạ tầng	Trước 2004		2005-2009		2020	
	Kém	Tốt	Kém	Tốt	Kém	Tốt
Chất lượng nhà ở	36,1	5,9	20,0	12,3	8,0	36,8
Chất lượng đường giao thông của xã	64,7	5,4	36,9	20,3	6,6	66,1
Chất lượng hệ thống điện của xã	37,0	21,3	24,7	39,8	1,3	76,5
Chất lượng trạm y tế của xã	51,0	8,5	34,2	22,5	1,5	76,7
Chất lượng trường học của xã	47,7	8,7	30,5	24,7	1,7	72,8

(Nguồn: Kết quả điều tra của ISSCR, 2022)

Mức độ hài lòng của người dân về chất lượng đường giao thông, chất lượng dịch vụ y tế, chất lượng trường học có sự khác biệt rõ rệt giữa các xã thuộc huyện Bình Sơn (nơi có NMLD Dung Quất) và xã đối chứng Phổ Khánh, huyện Đức Phổ (cách rất xa NMLD Dung Quất). Kết quả khảo sát cho thấy, các xã thuộc huyện Bình Sơn có tỷ lệ người dân hài lòng về chất lượng đường giao thông, y tế và giáo dục cao hơn đáng kể so với xã Phổ Khánh. Tại thời điểm 2020, 76% người dân ở các xã thuộc huyện Bình Sơn hài lòng và rất hài lòng với chất lượng đường giao thông. Trong khi đó, tại xã Phổ Khánh, con số này là 57,3%. Tương tự, 88,1% người dân ở các xã thuộc huyện Bình Sơn hài lòng và rất hài lòng với chất lượng dịch vụ y tế địa phương trong khi con số này ở xã Phổ Khánh là 83%.

Bảng 2: Mức độ hài lòng của người dân các xã thuộc huyện Bình Sơn và xã Phổ Khánh về chất lượng cơ sở hạ tầng

DVT: %

	Rất không hài lòng		Không hài lòng		Bình thường		Hài lòng		Rất hài lòng		Không có ý kiến	
	Trước 2004	2020	Trước 2004	2020	Trước 2004	2020	Trước 2004	2020	Trước 2004	2020	Trước 2004	2020
<i>Chất lượng đường giao thông</i>												
Xã Phổ Khánh	2,5	2,4	80,0	15,9	8,8	24,4	2,5	57,3	0,0	0,0	6,3	0,0
Các xã thuộc huyện Bình Sơn	2,5	0,5	63,0	5,5	24,4	17,3	5,7	67,1	0,0	8,9	4,4	0,7
<i>Chất lượng y tế</i>												
Xã Phổ Khánh	2,5	0,0	68,8	3,7	15,0	13,4	6,3	72,0	0,0	11,0	7,5	0,0
Các xã thuộc huyện Bình Sơn	4,5	0,3	49,0	1,2	32,3	9,4	8,8	77,2	0,1	10,9	5,3	0,9
<i>Chất lượng trường học</i>												
Xã Phổ Khánh	2,5	0,0	66,3	2,4	18,8	13,4	6,3	74,4	0,0	8,5	6,3	1,2
Các xã thuộc huyện Bình Sơn	5,5	0,1	45,6	1,6	34,0	11,7	9,0	72,6	0,1	12,8	5,9	1,1

(Nguồn: Kết quả điều tra của ISSCR, 2022)

Vai trò của NMLD Dung Quất trong việc phát triển cơ sở hạ tầng điện, đường, trường và trạm ở các địa phương được nhiều người dân ghi nhận. Kết quả khảo sát hộ gia đình tại bảng 3 cho thấy, 52,4% số hộ tham gia khảo sát đồng ý với nhận định “NMLD Dung Quất giúp phát triển đường giao thông của xã”; 38,7% số hộ tham gia khảo sát đồng ý với nhận định “NMLD Dung Quất giúp cải thiện chất lượng trạm y tế xã”; 32,4% số hộ tham gia khảo sát đồng ý với nhận định “NMLD Dung Quất giúp cải thiện chất lượng hệ thống điện của xã”; và 32,5% số hộ tham gia khảo sát đồng ý với nhận định “NMLD Dung Quất giúp cải thiện chất lượng giáo dục của xã”.

Bảng 3: Mức độ đồng ý của người dân ở tỉnh Quảng Ngãi về vai trò của NMLD Dung Quất đối với phát triển cơ sở hạ tầng ở địa phương

DVT: %

NMLD Dung Quất giúp:	Rất không đồng ý	Không đồng ý	Bình thường	Đồng ý	Rất đồng ý	Không có ý kiến
Phát triển đường giao thông của xã	0,0	8,9	15,2	46,7	5,7	23,5
Cải thiện chất lượng hệ thống điện của xã	0,1	9,6	26,0	30,6	1,8	32,0
Cải thiện chất lượng trạm y tế xã	0,4	6,3	21,9	35,7	3,0	32,8
Cải thiện chất lượng giáo dục của xã	0,1	6,0	26,2	29,9	2,6	35,1

(Nguồn: Kết quả điều tra của ISSCR, 2022)

Ngoài ra, sự phát triển về số lượng và chất lượng của hệ thống đường giao thông giúp cho người dân được tiếp cận các dịch vụ y tế có chất lượng tốt hơn. Khác với trước đây người dân chủ yếu khám chữa bệnh tại nơi cư trú, hiện nay nhờ giao thông thuận tiện, người dân có nhiều sự lựa chọn trong việc khám chữa bệnh. Họ có thể khám chữa bệnh ở trạm y tế xã phường, bệnh viện huyện/quận, bệnh viện tỉnh/thành phố và phòng khám tư nhân. Tỷ lệ người dân chọn bệnh viện tỉnh/thành phố ngày càng tăng, tăng mạnh nhất từ sau năm 2012 (gia tăng gấp hai lần trong 16 năm), (Bảng 4). *“Nếu ở đây công nghiệp không phát triển thì các cháu không bao giờ bước chân tới đây được, vì trước kia, nơi đây là một cù lao, mà phải đi qua cái đò. Hồi đó mỗi lần đau ốm thì sử dụng lá lể, anh nào nặng lắm thì bỏ vào chiếc ghe chạy miết lên Bình Sơn, Châu Ổ để vô bệnh viện. Còn bây giờ đường xã phát triển, người dân đi khám ở thị trấn và thành phố Quảng Ngãi.”* (Phỏng vấn sâu Ông L, người dân xã Bình Đông).

Bảng 4: Tỷ lệ hộ gia đình tiếp cận các cơ sở khám chữa bệnh ở tỉnh Quảng Ngãi

DVT: %

Cơ sở khám chữa bệnh	2004	2008	2010	2012	2014	2016	2018	2020
Y tế thôn bản	0,99	0,0	1,16	0,42	1,72	0,9	0,38	0,22
Trạm y tế xã phường	11,82	23,76	12,02	12,97	11,21	13,51	15,28	13,93
Phòng khám đa khoa khu vực	0,99	0,5	0,78	0,42	0,43	3,15	0,66	0,36
Bệnh viện huyện/quận	20,2	20,79	24,03	35,15	28,02	19,82	27,72	22,25
Bệnh viện tỉnh/TP	10,84	11,88	17,44	15,9	18,1	22,97	20,2	22,97
Bệnh viện Trung ương	1,48	4,95	3,88	2,93	8,19	9,01	6,91	5,67
Bệnh viện nhà nước khác	2,96	1,49	1,94	2,51	0,43	2,25	0,9	1,94
Bệnh viện tư nhân	0,0	4,46	5,04	7,53	4,74	5,41	6,24	10,62
Bệnh viện khác	0,0	0,0	0,0	0,0	0,43	0,45	0,05	0,07
Phòng khám y tế tư nhân	49,75	17,82	21,32	16,32	20,26	13,96	14,66	14,29
Lang y	0,49	0,5	1,16	0,42	0,0	0,9	0,47	0,57
Dịch vụ y tế cá thể	0,0	13,86	10,85	4,6	2,16	4,95	4,97	5,74
Cơ sở y tế khác	0,49	0,0	0,39	0,84	4,31	2,7	1,56	1,36

(Nguồn: Kết quả điều tra của ISSCR, 2022)

Cùng với sự phát triển của các cơ sở hạ tầng điện, đường, trường, trạm; tiếp cận nước sạch là một trong những thay đổi tích cực đến chất lượng cuộc sống và sức khỏe, nâng cao đời sống vật chất của các hộ gia đình, đặc biệt là các hộ gia đình ở vùng nông thôn và ven biển. Trước đây, do có nhiều khó khăn trong việc tiếp cận nguồn nước sạch, đa số các hộ gia đình nông thôn sử dụng giếng khoan hoặc giếng đào, nước khe hoặc nước sông suối. Tuy nhiên, thời gian gần đây nhiều hộ gia đình có cơ hội tiếp cận với nguồn nước sạch.

Ở huyện Bình Sơn, người dân ở các xã Bình Trị và Bình Thuận được tiếp cận nước sạch thông qua dịch vụ cung cấp nước sạch của nhà máy nước Dung Quất. Một số xã ở xa nhà máy nước như Bình Phước, người dân cùng nhau góp tiền để kéo đường ống nối từ nhà máy nước Dung Quất đến nhà mình. Bảng 5 cho thấy sự thay đổi về sử dụng nước sạch của người dân các xã thuộc huyện Bình Sơn qua các thời điểm khác nhau. Trước khi NMLD Dung Quất xây dựng, tỷ lệ người dân sử dụng nước sạch ở đây rất thấp, chỉ 1,8%. Khi NMLD Dung Quất đi vào vận hành thương mại cho đến nay, tỷ lệ này tăng lên 48,7% vào năm 2020. Trong khi đó, việc sử dụng nước giếng giảm từ 96,8% vào trước năm 2004 xuống còn 50,5% năm 2020.

Việc tiếp cận nước sạch của các hộ dân ở các xã thuộc huyện Bình Sơn và các hộ dân ở xã Phổ Khánh có sự chênh lệch lớn. Tỷ lệ người dân ở các xã ở gần NMLD Dung Quất tiếp cận nguồn nước sạch cao hơn người dân cư trú xa NMLD Dung Quất. Trước năm 2004 (trước khi NMLD Dung Quất được xây dựng), hầu hết các hộ dân ở các xã thuộc huyện Bình Sơn và xã Phổ Khánh đều sử dụng nước giếng. Đến năm 2020, tỷ lệ sử dụng nước giếng ở các xã thuộc huyện Bình Sơn đã giảm đáng kể, trong khi đó, phần lớn các hộ dân ở xã Phổ Khánh vẫn sử dụng nước giếng (98,8%) (Bảng 5). Sự gia tăng tỷ lệ hộ sử dụng nước máy ở các xã thuộc huyện Bình Sơn so với xã Phổ Khánh thuộc huyện Đức Phổ cho thấy rằng, sự ra đời và phát triển của NMLD Dung Quất đã có tác động đáng kể đến hạ tầng nước sạch ở vùng nông thôn của tỉnh Quảng Ngãi.

Bảng 5: Tỷ lệ hộ sử dụng các nguồn nước khác nhau ở các xã thuộc huyện Bình Sơn và xã Phổ Khánh thuộc huyện Đức Phổ

ĐVT: %

Xã	Nước máy		Nước giếng		Nước mưa		Nước khe, suối, ao hồ		Khác	
	Trước 2004	2020	Trước 2004	2020	Trước 2004	2020	Trước 2004	2020	Trước 2004	2020
Xã Phổ Khánh	0,0	0,0	100	98,8	0,0	0,0	0,0	1,2	0,0	0,0
Các xã thuộc huyện Bình Sơn	1,8	48,7	96,6	50,5	0,8	0,3	0,7	0,1	0,3	0,4

(Nguồn: Kết quả điều tra của ISSCR, 2022)

3.2. Hoạt động trợ giúp xã hội của Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn

Hàng năm, Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn (Công ty được giao trách nhiệm tiếp nhận, quản lý, vận hành Nhà máy Lọc dầu Dung Quất) dành một khoản kinh phí từ 12 đến 21 tỷ đồng/năm để thực hiện các hoạt động ASXH tại tỉnh Quảng Ngãi (Biểu đồ 1 và Bảng 6). Từ đó, đã góp phần quan trọng vào thay đổi diện mạo của nông thôn, giúp người dân cải thiện và nâng cao đời sống; đồng thời lan tỏa ý nghĩa và mục đích cao đẹp về trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng và xã hội.

Hỗ trợ an ASXH của Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn chủ yếu tập trung vào nhóm người có hoàn cảnh khó khăn. Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn đầu tư xây dựng nhà tình nghĩa cho người nghèo, gia đình có công cách mạng và cựu chiến binh. Đến nay, 10 căn nhà tình nghĩa cho cựu chiến binh và 20 nhà đại đoàn kết cho hộ khó khăn đã được xây dựng (BSR). Việc này thể hiện vai trò của Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn trong việc xóa nhà tạm, góp phần xây dựng diện mạo nông thôn mới hiện đại hơn. “Năm nào cũng có hộ được hỗ trợ xây nhà (1-2 nhà tình thương/năm). NMLD Dung Quất đóng vai trò chính trong xây nhà tình thương. NMLD Dung Quất hỗ trợ xóa nhà tranh vách đất, xóa nhà tạm đó” (Phòng văn sâu Ông K, người dân xã Bình Thuận). “NMLD cũng dành các nguồn xây dựng nhà tình nghĩa, tình thương trên địa bàn, trong những năm gần đây, NMLD Dung Quất hỗ trợ chương trình an sinh rất lớn. Còn có những chương trình đoàn của NMLD Dung Quất đến sửa chữa nhà cửa. Cách đây khoảng 3-4 năm, NMLD Dung Quất xây hai nhà cho người nghèo tại địa bàn xã. Ở các huyện miền núi hỗ trợ xây nhà tránh lũ nhiều lắm, như ở huyện Sơn Hà. Mới năm ngoái, năm kia, có làm cầu tránh lũ ở xã Bình Minh” (Phòng văn sâu Ông H., cán bộ xã Bình Thuận).

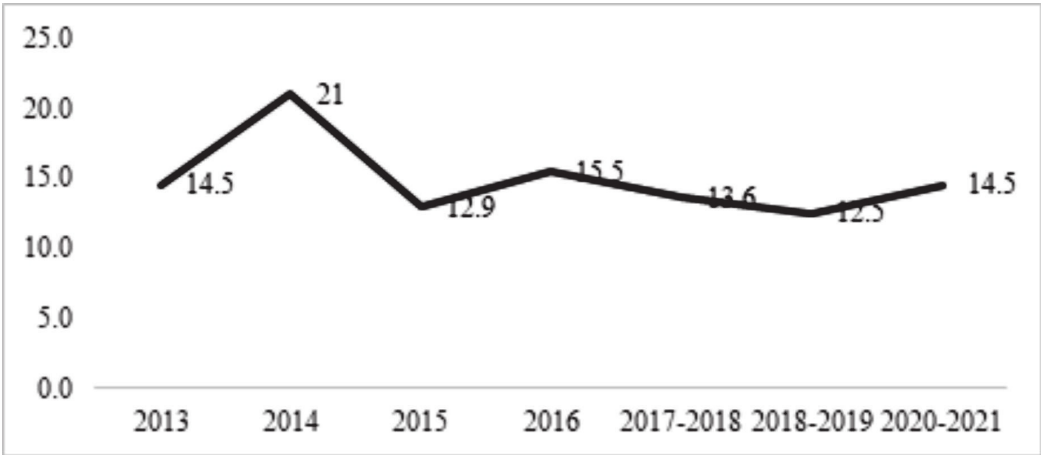
Bên cạnh đó, Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn cũng có các hoạt động hỗ trợ người nghèo và người bị thiệt hại do thiên tai. Hàng năm, hàng trăm hộ nghèo ở các xã/phường thuộc tỉnh Quảng Ngãi được nhận xuất quà có giá trị trung bình khoảng 1 triệu đồng/suất

vào các dịp lễ tết. Ngoài ra, con em của các gia đình có hoàn cảnh khó khăn được hỗ trợ tiền và dụng cụ học tập để giúp các em tiếp tục đến trường. Ở những địa phương chịu thiệt hại của thiên tai, Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn có chương trình động viên, thăm hỏi, hỗ trợ người dân khắc phục thiệt hại bão lụt. Những hỗ trợ này có tác động tích cực đến đời sống người có hoàn cảnh khó khăn, đồng thời tạo hiệu ứng tích cực trong cộng đồng cư dân, lan tỏa giá trị đạo đức truyền thống, tương thân tương ái

Ngoài ra, Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn còn hỗ trợ người dân tái định cư giúp họ ổn định cuộc sống. Kết quả khảo sát hộ và phỏng vấn sâu cho thấy, tất cả các hộ dân của xã Bình Trị di tái định cư ở xã Bình Thanh những năm 1997 và 1998 để nhường đất cho NMLD Dung Quất đều được Công ty hỗ trợ từ 25 đến 50 triệu đồng/hộ. Các ngư dân ở xã Bình Thuận - nơi đặt tuyến ống dẫn dầu của Nhà máy cũng được Công ty hỗ trợ để di dời vùng đánh bắt hải sản.

Biểu đồ 1: Kinh phí Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn dành cho hoạt động ASXH tại Quảng Ngãi

ĐVT: tỷ đồng



(Nguồn: BSR, 2022)

Bảng 6: Một số hoạt động ASXH của Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn tại tỉnh Quảng Ngãi

Hoạt động ASXH	2012-2016	2017-2022
Xây dựng nhà tình nghĩa	- 10 căn nhà tình nghĩa cho cựu chiến binh (huyện Bình Sơn, Tư Nghĩa, Mộ Đức, Sơn Hà) - 15 nhà tình nghĩa (huyện Bình Sơn)	- 20 nhà đại đoàn kết cho hộ khó khăn
Xây dựng trường học	- Trường mẫu giáo xã Bình trị - Nâng cấp trường tiểu học xã Bình Thuận - Trường mẫu giáo xã Tịnh Hòa	- Trường tiểu học số 2 xã Bình Mỹ - Trường tiểu học số 1 xã Tịnh Hòa - Trường mầm non xã Phổ Khánh - Trường mầm non xã Bình Chương - Trường mầm non Hoa Sen (thị trấn Trà Xuân, Trà Bồng) - Lắp đặt hệ thống lọc nước tại điểm trường mầm non Ba Vinh (Ba Tơ)

Xây dựng trạm y tế, hỗ trợ trang thiết bị y tế	- Hỗ trợ trang thiết bị y tế cho bệnh viện Dung Quất - Trạm y tế xã An Hải (huyện đảo Lý Sơn)	
Hỗ trợ người có hoàn cảnh khó khăn	- Hỗ trợ mổ tim cho trẻ em nghèo - Trao quà tết cho người nghèo	- Tặng quà, tiền cho nạn nhân chất độc da cam có hoàn cảnh khó khăn (huyện Bình Sơn) - Tặng quà, tiền cho các gia đình chính sách, gia đình khó khăn tại huyện Bình Sơn. - Trao 300 suất quà cho gia đình khó khăn (xã Long Môn, huyện Minh Long), 100 suất quà (huyện Trà Bồng), 100 suất quà (huyện Sơn Hà). - 300 suất quà Tết cho gia đình khó khăn (thị xã Đức Phổ)
Cứu trợ bão lụt	- Hỗ trợ quà và tiền cho các hộ thiệt hại bão lũ tại huyện Mộ Đức, Nghĩa Hành, Tư Nghĩa	
Hoạt động khuyến học	- Hỗ trợ quỹ khuyến học Quảng Ngãi - Hỗ trợ sách vở và tiền cho học sinh khó khăn	Tặng quà cho các cháu mồ côi, các cháu có hoàn cảnh khó khăn
Hỗ trợ khác	- Hỗ trợ di dời (chỗ ở và việc làm) cho 341 hộ dân xung quanh NMLD - Hỗ trợ ngư dân xã Bình Thuận di dời vùng đánh bắt hải sản	- Hỗ trợ quà, tiền cho người dân huyện đảo Lý Sơn

(Nguồn: BSR, 2022)

4. Tác động của Nhà máy lọc dầu Dung Quất đến văn hóa và lối sống của cộng đồng cư dân tỉnh Quảng Ngãi

4.1. Tác động của Nhà máy lọc dầu Dung Quất đến văn hóa của cộng đồng cư dân tỉnh Quảng Ngãi

Theo UNESCO (2009), “văn hóa là tập hợp các đặc trưng tiêu biểu về tinh thần, vật chất, tri thức và xúc cảm của xã hội hoặc một nhóm người trong xã hội; văn hóa không chỉ bao gồm văn học và nghệ thuật, mà còn cả phong cách sống, phương thức chung sống, các hệ giá trị, truyền thống và niềm tin”. Kết quả nghiên cứu cho thấy, hoạt động của NMLD Dung Quất cùng hoạt động của các nhà máy và doanh nghiệp khác trong khu vực đã làm thay đổi một số khía cạnh văn hoá của cộng đồng. Sự thay đổi này có sự phân hóa giữa lực lượng lao động trẻ tuổi làm việc tại các nhà máy, xí nghiệp và lao động lớn tuổi khó chuyển đổi nghề nghiệp, phải tiếp tục bám trụ vào sản xuất nông, ngư nghiệp. Lực lượng lao động trẻ tuổi thường có thu nhập ổn định nhưng có ít thời gian tụ tập và tham gia các sinh hoạt văn hóa của cộng đồng. Ngược lại, lực lượng lao động lớn tuổi có thu nhập thấp hơn nhưng có nhiều thời gian tụ tập và gắn bó với sinh hoạt văn hóa của cộng đồng.

Các sinh hoạt văn hóa của cộng đồng như lễ hội làng, lễ hội thờ cúng thần linh được chú trọng nhiều hơn vào khía cạnh vật chất. Sự gia tăng về thu nhập của lực lượng lao động

trẻ tuổi đã tạo nên những thay đổi trong sinh hoạt văn hóa của cộng đồng, trong đó rõ nhất là lao động trẻ thường đóng góp nhiều giá trị vật chất hơn cho sinh hoạt văn hóa của cộng đồng. Tuy nhiên, quy mô của một số lễ hội văn hoá gắn liền với hoạt động sản xuất không còn như trước đây do sự thay đổi về nghề nghiệp – từ nông nghiệp sang công nghiệp và dịch vụ. “Như trước đây, người làm biển có tâm linh lớn, một năm họ tổ chức lễ hội cầu ngư, lễ ông Nam Hải vào ngày 16/2 âm lịch. Thời buổi giờ nghề biển đẹp hết rồi, không còn làm nữa nên chuyện đó cũng mai một. Hằng năm họ cũng tổ chức, nhưng không hoành tráng như trước đây. Những người trẻ đi làm công nhân vẫn quan tâm, khi tổ chức thì mời tất cả mọi người dân, họ vẫn đến đó tham dự. Người trẻ nếu được mời thì họ đến dự cúng 50.000 -100.000 đồng. Ngày xưa chủ yếu về mặt tinh thần, còn nay về mặt vật chất, họ ủng hộ bằng tiền nhiều hơn.” (Phòng văn sâu Ông L., người dân xã Bình Đông)

Sự thay đổi về văn hóa cũng thể hiện qua việc tham gia các hoạt động phong trào và sinh hoạt cộng đồng. Bảng 7 cho thấy, mức độ tham gia sinh hoạt văn nghệ, thể thao, sinh hoạt tổ dân phố của người dân đã có sự chuyển biến tích cực. Tỷ lệ người dân thường xuyên tham gia phong trào văn nghệ và phong trào thể thao tại thời điểm năm 2020 (hơn 25%) cao hơn so với trước năm 2004 (khoảng 22%). Tương tự, tỷ lệ người dân sinh hoạt tổ dân phố tăng từ 42% vào trước năm 2004 lên 61,2% vào năm 2020.

Mức độ thường xuyên tham gia vào phong trào văn nghệ, thể thao và lễ hội của người dân ở xã Phổ Khánh (huyện Đức Phổ) và các xã thuộc huyện Bình Sơn đều có sự chênh lệch ở hai thời điểm trước năm 2004 và năm 2020. Tỷ lệ người dân ở các xã thuộc huyện Bình Sơn thường xuyên tham gia văn nghệ, thể thao, lễ hội cao hơn so với xã Phổ Khánh vào cả hai thời điểm trước năm 2004 và năm 2020. Kết quả phỏng vấn sâu cho thấy, NMLD Dung Quất đã đầu tư xây dựng một số công trình thanh niên và công trình văn hóa như sân bóng đá tại xã Bình Trị (1997 đến nay). Điều này góp phần tạo cơ hội cho người dân có địa điểm để phát triển phong trào văn nghệ và thể thao. Về tham gia sinh hoạt tổ dân phố, ở thời điểm trước năm 2004, tỷ lệ người dân xã Phổ Khánh tham gia thấp hơn 17% so với các xã thuộc huyện Bình Sơn. Tuy nhiên, vào thời điểm năm 2020, tỷ lệ người dân ở xã Phổ Khánh tham gia sinh hoạt tổ dân phố lại cao hơn 7,9% so với các xã thuộc huyện Bình Sơn. Điều này cho thấy, hoạt động sinh kế gắn với công nghiệp và dịch vụ tại huyện Bình Sơn khiến người dân không có nhiều thời gian để tham gia các hoạt động sinh hoạt cộng đồng.

Bảng 7: Mức độ tham gia phong trào văn hóa, văn nghệ của người dân các xã thuộc huyện Bình Sơn và xã Phổ Khánh thuộc huyện Đức Phổ

DVT: %

Phong trào văn hoá/ văn nghệ	Không bao giờ		Hiếm khi		Thỉnh thoảng		Thường xuyên		Rất hường xuyên		Không có ý kiến	
	Tr. 2004	2020	Tr. 2004	2020	Tr. 2004	2020	Tr. 2004	2020	Tr. 2004	2020	Tr. 2004	2020
<i>Phong trào văn nghệ</i>												
Xã Phổ Khánh	31,6	34,6	21,5	21,0	31,6	23,5	8,9	19,8	0,0	0,0	6,3	1,2
Các xã thuộc huyện Bình Sơn	22,9	28,8	21,1	25,6	28,0	19,1	23,1	24,5	1,0	1,5	4,1	0,5
<i>Phong trào thể dục thể thao</i>												
Xã Phổ Khánh	32,9	36,6	20,3	24,4	31,6	14,6	8,9	23,2	0,0	0,0	6,3	1,2
Các xã thuộc huyện Bình Sơn	23,4	29,3	21,0	24,2	28,8	19,1	21,2	24,5	1,8	2,4	3,8	0,5

<i>Lễ hội văn hóa</i>												
Xã Phổ Khánh	20,3	22,0	22,8	14,6	46,8	43,9	6,3	19,5	0,0	0,0	3,8	0,0
Các xã thuộc huyện Bình Sơn	18,3	19,3	17,8	18,5	32,6	29,5	20,7	25,3	1,5	1,9	9,1	5,5
<i>Sinh hoạt tổ dân phố</i>												
Xã Phổ Khánh	3,8	0,0	15,2	4,9	49,4	25,6	26,6	68,3	0,0	1,2	0,0	0,0
Các xã thuộc huyện Bình Sơn	4,2	2,8	10,7	8,6	34,2	21,7	43,6	60,4	3,7	6,1	3,6	0,4

(Nguồn: Kết quả điều tra của ISSCR, 2022)

Tác động tích cực của NMLD Dung Quất đến văn hóa cộng đồng địa phương được nhiều người dân ghi nhận. Bảng 8 cho thấy, có từ 20% đến 40% số hộ tham gia khảo sát đồng ý rằng NMLD Dung Quất giúp tạo sự gắn kết trong cộng đồng; nâng cao tính chuyên nghiệp trong công việc; giúp người dân có cơ hội giao tiếp và giao lưu văn hóa; giúp nâng cao đời sống tinh thần của người dân địa phương.

Bảng 8: Mức độ đồng ý của người dân về các vai trò của NMLD DQ trong việc thúc đẩy các giá trị văn hóa và văn minh của cộng đồng

ĐVT: %

NMLD Dung Quất giúp:	Rất không đồng ý	Không đồng ý	Bình thường	Đồng ý	Rất đồng ý	Không có ý kiến
Tạo sự gắn kết trong cộng đồng	0,6	12,3	27,6	20,9	1,8	36,8
Nâng cao tính chuyên nghiệp trong công việc	0,4	10,6	24,3	20,0	4,3	40,4
Xây dựng lối sống văn minh, vì cộng đồng	0,8	7,5	23,3	33,9	4,7	29,7
Giúp người dân mở rộng giao tiếp và giao lưu văn hóa	0,7	5,3	20,8	29,4	3,5	40,4
Giúp nâng cao đời sống tinh thần của người dân địa phương	0,8	4,3	22,3	43,9	5,7	22,9

(Nguồn: Kết quả điều tra của ISSCR, 2022)

4.2. Ảnh hưởng của Nhà máy lọc dầu Dung Quất đến lối sống của cộng đồng

Theo Phạm Hồng Tung (2007), “Lối sống bao gồm tất cả những hoạt động sống và phương thức tiến hành các hoạt động sống được một bộ phận lớn hoặc toàn thể nhóm hay cộng đồng người chấp hành và thực hành trong một khoảng thời gian tương đối ổn định, đặt trong mối tương tác biện chứng của các điều kiện sống hiện hữu và trong các mối liên hệ lịch sử của chúng”. NMLD Dung Quất đi vào hoạt động đã tạo lực hút to lớn thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào khu kinh tế Dung Quất. Hoạt động sản xuất công nghiệp tại các nhà máy đã góp phần hình thành lối sống công nghiệp, tính chuyên nghiệp, tính kỷ luật lao động cho cộng đồng địa phương được nâng cao. Đối với các gia đình làm công nhân trong các nhà máy, gần như họ không có thời gian để tụ tập với hàng xóm, láng giềng. Trước đây, mối quan hệ cộng cảm giữa các thành viên của cộng đồng thường bộc lộ thông qua việc trò chuyện giữa các gia đình với nhau, nhờ đó họ biết rõ những khó khăn của nhau để cùng hỗ trợ, giúp đỡ. Tuy nhiên, việc này cũng gây ra các xích mích và tranh cãi giữa các gia đình. Hiện nay, những chia sẻ này ít diễn ra, thay vào đó là sự khép kín trong lối sống và ứng xử. Mặc dù tính cộng cảm bị suy giảm, song những tranh chấp về lời nói và ứng xử không còn diễn ra thường xuyên

như trước đây. Những yếu tố truyền thống của cộng đồng làng như hương ước, uy quyền của tộc trưởng không còn chi phối hành vi và ứng xử của cộng đồng, thay vào đó người dân thực hành lối sống tuân thủ pháp luật. *"Hai vợ chồng đi làm công nhân đến tối 7 giờ về thì đâu còn thời gian mà để la cà. Còn bây giờ lối sống công nghiệp thì phải nâng lên. Hồi xưa lối sống nông nghiệp xóm làng, giờ lên công nghiệp phải khác chứ, ứng xử văn minh hơn xưa là đương nhiên. Trước đây, chuyện của nhà này nhà kia, cứ ra giếng nói chuyện là nghe hết, hoặc qua nhà này nhà kia nói chuyện, nói qua nói lại, chuyện chửi bới trong xóm làng hồi xưa là có, nay hạn chế rồi"* (Phỏng vấn sâu Ông T., người dân xã Bình Thuận).

Mặc dù lối sống biến đổi theo hướng hiện đại nhưng tình làng nghĩa xóm, tinh thần đoàn kết, tương thân tương ái vẫn luôn duy trì trong từng khu dân cư và cộng đồng làng xã. Sự gắn kết giữa các thành viên trong cộng đồng thể hiện qua tinh thần chung tay gìn giữ vệ sinh môi trường, cùng nhau chung sức xây dựng đường ống dẫn nước, hỗ trợ và giúp đỡ gia đình có hoàn cảnh khó khăn. Đặc biệt là lối sống có tinh thần trách nhiệm với cộng đồng, tự nguyện đóng góp công sức và tài chính khi cộng đồng có việc chung. Bảng 8 cũng cho thấy, 38,6% số hộ tham gia khảo sát đồng ý với nhận định "NMLD Dung Quất giúp xây dựng lối sống văn minh, vì cộng đồng".

Bên cạnh đó, khi đời sống người dân được nâng cao các mối quan hệ làng xóm trở nên hòa nhã hơn, nhất là ở các xã có hộ dân tái định cư. Những mâu thuẫn và căng thẳng giữa những cộng đồng cư dân sở tại và tái định cư do việc phân chia đất đai cũng trở nên hài hòa. *"Mối quan hệ hàng xóm bây giờ đoàn kết hơn so với hồi kia, dân tái định cư và dân sở tại đoàn kết với nhau, hòa nhã với nhau, từ khu chợ cho đến khu ăn chơi, anh em không có gì xích mích, bây giờ sống với nhau có tình cảm, gắn liền như anh em trong một nhà rồi"* (Phỏng vấn sâu Ông Đ., người dân xã Bình Thạnh).

Bảng 9 cho thấy, sự hài lòng của người dân về mối quan hệ giữa các gia đình với nhau, giữa gia đình với cơ quan/tổ chức, tình làng nghĩa xóm và văn hóa ứng xử trong khu dân cư có sự thay đổi giữa trước khi có NMLD Dung Quất và sau khi NMLD Dung Quất đi vào hoạt động, tỷ lệ hộ gia đình hài lòng tăng từ dưới 50% thời điểm trước năm 2004 lên trên 50% năm 2020. So sánh giữa các xã thuộc huyện Bình Sơn và xã Phổ Khánh, tỷ lệ người dân hài lòng với các mối quan hệ cộng đồng, tình làng nghĩa xóm trong khu dân cư và văn hoá ứng xử trong khu dân cư ở hai địa bàn này gần như tương đồng nhau.

Bảng 9: Mức độ hài lòng của người dân các xã thuộc huyện Bình Sơn và xã Phổ Khánh về các mối quan hệ trong cộng đồng

DVT: %

	Rất không hài lòng		Không hài lòng		Bình thường		Hài lòng		Rất hài lòng		Không có ý kiến	
	Tr. 2004	2020	Tr. 2004	2020	Tr. 2004	2020	Tr. 2004	2020	Tr. 2004	2020	Tr. 2004	2020
<i>Mối quan hệ của gia đình với hàng xóm</i>												
Xã Phổ Khánh	0,0	0,0	1,2	0,0	40,7	8,5	40,7	75,6	9,9	15,9	0,0	0,0
Các xã thuộc huyện Bình Sơn	0,7	0,3	2,2	0,7	23,9	6,9	44,3	66,8	25,6	25,4	3,3	0,0
<i>Mối quan hệ của gia đình với cơ quan/tổ chức ở địa phương</i>												
Xã Phổ Khánh	0,0	0,0	1,3	0,0	50,0	14,6	31,3	69,5	8,8	14,6	8,8	1,2
Các xã thuộc huyện Bình Sơn	0,1	0,0	1,4	0,8	34,7	19,0	46,7	65,9	13,8	14,3	3,3	0,0

<i>Tình làng nghĩa xóm trong dân cư</i>												
Xã Phổ Khánh	0,0	0,0	2,5	0,0	39,5	7,3	38,3	76,8	12,3	15,9	7,4	0,0
Các xã thuộc huyện Bình Sơn	0,7	0,1	1,9	0,5	24,5	7,1	47,5	68,1	22,2	24,1	0,0	0,0
<i>Văn hóa ứng xử trong khu dân cư</i>												
Xã Phổ Khánh	0,0	0,0	2,5	0,0	50,6	7,3	34,6	80,5	4,9	12,2	7,4	0,0
Các xã thuộc huyện Bình Sơn	0,7	0,1	2,6	0,7	29,2	8,1	44,9	69,9	18,9	21,0	3,7	0,3

(Nguồn: Kết quả điều tra của ISSCR, 2022)

5. Kết luận và khuyến nghị

NMLD Dung Quất có tác động trực tiếp và gián tiếp đến an sinh xã hội, văn hoá và lối sống của người dân tỉnh Quảng Ngãi. Về an sinh xã hội, nhờ có NMLD Dung Quất, người dân nói chung được tiếp cận với các dịch vụ cơ bản như điện, đường, trường, trạm, và nước sạch; các hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn nói riêng được hỗ trợ để khắc phục khó khăn và ổn định cuộc sống. Về văn hoá, sự phát triển của NMLD Dung Quất nói riêng và ngành công nghiệp ở địa phương nói chung làm thay đổi mức độ tham gia sinh hoạt văn hoá của cộng đồng và làm thay đổi tính chất của các lễ hội văn hoá. Lực lượng lao động trẻ tuổi thường có thu nhập ổn định nhưng có ít thời gian tham gia các sinh hoạt văn hóa của cộng đồng. Ngược lại, lực lượng lao động lớn tuổi có thu nhập thấp hơn nhưng có nhiều thời gian gắn bó với sinh hoạt văn hóa của cộng đồng. Các sinh hoạt văn hóa của cộng đồng như lễ hội làng, lễ hội thờ cúng thần linh được chú trọng nhiều hơn vào khía cạnh vật chất, quan niệm về sinh hoạt văn hóa của cộng đồng thay đổi theo hướng “phú quý sinh lễ nghĩa”. Tuy nhiên, quy mô của một số lễ hội văn hoá gắn với hoạt động sản xuất không còn như trước đây do sự thay đổi về nghề nghiệp – từ nông lâm thủy sản sang công nghiệp và dịch vụ. Về lối sống, quá trình làm việc trong các nhà máy này đã góp phần hình thành lối sống công nghiệp, tuân thủ giờ giấc và nâng cao kỷ luật lao động. Mặc dù lối sống biến đổi theo hướng công nghiệp, hiện đại nhưng tình làng nghĩa xóm, tinh thần đoàn kết, tương thân tương ái vẫn luôn duy trì trong từng khu dân cư,

Bên cạnh những tác động tích cực, kết quả nghiên cứu cũng chỉ ra một số vấn đề đặt ra trong việc đảm bảo an sinh xã hội cho người dân. Nhằm đảm bảo phát triển bền vững về mặt xã hội, các các vấn đề này cần được giải quyết một cách nhanh chóng và triệt để. *Thứ nhất*, chính quyền và Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn cần hoàn thiện một số tuyến đường giao thông thuộc “công trình hoàn trả” hiện đang còn dang dở để đảm bảo an toàn giao thông cho người dân. *Thứ hai*, chính quyền địa phương cùng với Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn và các công ty, doanh nghiệp có liên quan cần thực hiện việc di dời những hộ dân sống cạnh bên NMLD Dung Quất và các nhà máy khác để loại bỏ tác động tiêu cực của các nhà máy đến đời sống của người dân. *Thứ ba*, chính quyền địa phương cần phối hợp với Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn, các công ty, doanh nghiệp có hoạt động sản xuất kinh doanh ở Khu kinh tế Dung Quất tìm hiểu và đánh giá mức độ khó khăn của những hộ gia đình bị ảnh hưởng tiêu cực bởi quá trình phát triển công nghiệp để từ đó đề ra các giải pháp cụ thể nhằm đảm bảo an sinh xã hội cho những hộ này. Đặc biệt, Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn không chỉ chú trọng hỗ trợ ASXH cho các đối tượng yếu thế như thời gian qua đã làm, mà cần quan tâm hỗ trợ cho các đối tượng đã và đang bị ảnh hưởng bởi quá trình phát triển công nghiệp, đặc biệt là những người ở độ tuổi trung niên bị mất đất nhưng không đủ điều kiện để xin vào các công ty, nhà máy. Đây là cách thức phù hợp thể hiện trách nhiệm xã hội của Công ty đối với cộng đồng. Đối thoại ba bên – Chính quyền địa phương, Công ty cổ phần Lọc hóa

dầu Bình Sơn và người dân cần được sớm thực hiện nhằm kịp thời giải quyết triệt để các vấn đề nêu trên.

Chú thích: Nghiên cứu này là kết quả của nhiệm vụ khoa học công nghệ “Nghiên cứu, đánh giá ảnh hưởng của dự án Nhà máy lọc dầu Dung Quất đối với sự phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Quảng Ngãi nói riêng và khu vực miền Trung nói chung”.

Tài liệu tham khảo

Chaudhuri, S. and Ray, S. (2019). Social and Economic Impact Analysis of Vadinar Refinery of Essar Oil: The Case of a Mega Refinery. *The Indian Economic Journal*, 1-25, doi: 10.1177/0019466219864801

Darkwah, A. (2010). *The Impact of Oil and Gas Discovery and Exploitation on Communities with Emphasis on Women*. University of Ghana.

Dowokpor, V. (2015). *Impact of the Oil and Gas Industry on the Livelihoods of Men and Women Working in the Fisheries: A Study of Shama, Ghana*. Universtiy of Bergen.

Ebegbulen, J., Ekpe, D. and Adejumo, T.O. (2013). Oil Exploration and Poverty in the Niger Delta Region of Nigeria: A Critical Analysis. *International Journal of Business and Social Science*, 4(3), 279-287.

Nanok, J.K and Onyango, C.O. (2017). A socioeconomic and environmental analysis of the effects of oil exploration on the local community in Lokichar, Turkana County, Kenya. *International Journal of Management, Economics and Social Sciences (IJMESS)*, 6(3), 144-156.

Phạm Hồng Tung (2007). Nghiên cứu về lối sống: Một số vấn đề về khái niệm và cách tiếp cận. *Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, Khoa học Xã hội và Nhân Văn*, 23, 271-278.

UNESCO (2009). *Khung thống kê văn hoá UNESCO 2009*. Viện thống kê UNESCO, Canada.